

Bản án số: 45/2025/DS-PT
Ngày: 14-01-2025
V/v tranh chấp hợp đồng đặt cọc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Phan Ngọc Hoàng Đình Thục

Các Thẩm phán: bà Trịnh Thị Phúc
ông Đinh Tiền Phương

- Thư ký phiên tòa: bà Nguyễn Thị Mỹ Linh – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa: bà Đặng Thị Cẩm Chi - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 665/2024/TLPT-DS ngày 03 tháng 12 năm 2024 về việc “*Tranh chấp hợp đồng đặt cọc*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 146/2024/DS-ST ngày 26 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Giuộc bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 727/2024/QĐ-PT ngày 27 tháng 11 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* ông Trần Tấn P, sinh năm 1992; địa chỉ: ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền của ông P: ông Võ Hùng T, sinh năm 1960; địa chỉ: số F đường N, Tổ A, Khu phố C, thị trấn C, huyện C, tỉnh Long An (Văn bản ủy quyền ngày 02/02/2023).

- Bị đơn:

1. Ông Đinh Văn H, sinh năm 1967

2. Bà Lưu Thị T1, sinh năm 1970

Cùng địa chỉ: số G Tổ E, ấp T, xã P, huyện C, tỉnh Long An.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Công ty TNHH T3.

Địa chỉ trụ sở chính: số B Đường B, KDC S, xã P, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: ông Nguyễn Bá T2 – Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền của ông T2: ông Nguyễn Văn Lộc E, sinh năm 1978; địa chỉ: ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Long An (Văn bản ủy quyền ngày 26/8/2024).

2. Ông Nguyễn Văn Lộc E, sinh năm 1978; địa chỉ: ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Long An.

- *Người kháng cáo:* nguyên đơn, ông Trần Tấn P.

- *Người kháng nghị:* Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An.

(Ông Trần Tấn P, ông Võ Hùng T, ông Đinh Văn H, bà Lưu Thị T1, ông Nguyễn Văn L Em có mặt, Công ty TNHH D vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ghi ngày 24/11/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, nguyên đơn ông Trần Tấn P và người đại diện theo ủy quyền của ông P trình bày:

Ngày 21/4/2022, ông P ký hợp đồng đặt cọc với vợ chồng ông Đinh Văn H và bà Lưu Thị T1 để nhận chuyển nhượng thửa đất số 1656, tờ bản đồ số 02, diện tích 180m² (ngang 6,4m, dài 32m), đất tọa lạc tại ấp T, xã P, huyện C, tỉnh Long An; giá chuyển nhượng 5.800.000.000đ (năm tỷ tám trăm triệu đồng). Hai bên thỏa thuận phương thức thanh toán: đợt 1, đặt cọc số tiền 500.000.000 đồng vào ngày 21/4/2022; đợt 2, hai bên công chứng hợp đồng chuyển nhượng sẽ thanh toán số tiền còn lại vào ngày 22/11/2022.

Thực hiện thỏa thuận, ngày 21/4/2022, ông P đã giao cho vợ chồng ông Đinh Văn H và bà Lưu Thị T1 số tiền 500.000.000đ (năm trăm triệu đồng).

Trong thời gian chuẩn bị thủ tục ký kết hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất (quyền sử dụng đất sau đây viết tắt là QSDĐ), ông P có ký hợp đồng với Công ty TNHH T3 (viết tắt là công ty T3) để cấp đổi lại giấy chứng nhận QSDĐ thửa đất 1656, vì ông H, bà T1 đang đứng tên trên giấy chứng nhận QSDĐ theo mẫu cũ (sổ đỏ) để điều chỉnh lại diện tích đất thực tế cấp lại giấy chứng nhận QSDĐ theo mẫu mới (sổ hồng), thì phát hiện thửa đất 1656 có một phần diện tích là loại đất thổ, một phần diện tích là loại đất vườn và diện tích đo đạc thực tế là 203,8m² lớn hơn diện tích trong giấy chứng nhận QSDĐ là 118,2m² nên không thực hiện thủ tục điều chỉnh lại diện tích trong giấy chứng nhận QSDĐ, ông P đã nhiều lần gặp ông H, bà T1 để thương lượng giải quyết nhưng các bên không thống nhất được.

Việc các bên không tiến hành thủ tục chuyển nhượng được là lỗi khách quan. Nay, ông yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Đinh Văn H và bà Lưu Thị T1 trả lại cho ông số tiền đã đặt cọc là 500.000.000đ (năm trăm triệu đồng). Ông không yêu cầu gì thêm.

Bị đơn, ông Đinh Văn H và bà Lưu Thị T1 thống nhất trình bày:

Ông bà thống nhất lời trình bày của nguyên đơn, ông Trần Tấn P và người đại diện của ông P về thời gian, số tiền và nội dung của hợp đồng đặt cọc. Tuy nhiên, ông bà không đồng ý yêu cầu khởi kiện của ông P, vì khi các bên ký hợp đồng đặt cọc, ông bà có đưa giấy chứng nhận QSDĐ bản photo cho ông P xem và sau đó có giao bản chính giấy chứng nhận QSDĐ cho ông P và ông Lộc E để làm thủ tục chuyển nhượng. Ông, bà bán cho ông P diện tích đất theo sổ đỏ, ông P cũng đã xem đất và sổ đỏ nhiều lần rồi mới mua. Hiện trạng đất từ trước đến nay không có gì thay đổi, vì đã hết thời hạn thanh toán tiền đợt 2 nhưng ông P vẫn chưa giao số tiền còn lại nên phải bị mất cọc theo thỏa thuận.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, ông Nguyễn Văn Lộc E và là người đại diện cho Công ty TNHH T3 trình bày:

Ông là người đại diện cho Công ty T3 giới thiệu cho ông P mua đất của ông H, bà T1. Sau khi hai bên làm thủ tục đặt cọc mua bán đất, ngày 21/4/2022, ông P, ông H có nhờ ông làm thủ tục đo vẽ, cấp sổ mới đổi với thửa đất số 1656, do diện tích trong sổ không phù hợp với diện tích thực tế (diện tích thực tế lớn hơn diện tích trong giấy chứng nhận QSDĐ). Sau khi nhận bản chính giấy chứng nhận QSDĐ, ông nhờ công ty TNHH D (viết tắt là công ty D) làm thủ tục đo vẽ và làm lại giấy chứng nhận QSDĐ. Do thủ tục trên mất nhiều thời gian nên ông đã nhiều lần gặp ông H, bà T1 để bàn việc thống nhất lại thời gian làm lại sổ và làm thủ tục chuyển nhượng nhưng hai bên không thống nhất được với nhau nên nay ông đã giao lại bản chính giấy chứng nhận QSDĐ cho ông H, bà T1. Ông không có yêu cầu, tranh chấp gì trong vụ án này.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 146/2024/DS-ST ngày 26 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An đã xử:

“1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trần Tấn P về việc “tranh chấp hợp đồng đặt cọc” với ông Đinh Văn H, bà Lưu Thị T1 .

2. Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của ông Nguyễn Văn L Em về việc trả lại bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R812111 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 30/10/2000 cho ông Đinh Văn H”.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí, quyền, thời hạn kháng cáo, quyền và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự.

Ngày 07/10/2024, ông Trần Tấn P kháng cáo yêu cầu sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông.

Ngày 10/10/2024, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Cần Giuộc có Quyết định kháng nghị số 08/QĐ-VKS-DS kháng nghị đề nghị sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Ông Đinh Văn H và bà Lưu Thị T1 trình bày: tại thời điểm đặt cọc tháng 4/2022 thì đất đang có giá, đến tháng 7/2022 thì đất mất giá nên ông P đổi ý không mua. Đất của ông bà mặc dù diện tích thực tế lớn hơn diện tích trên giấy, nhưng lúc mua ông P có nhờ địa chính đo đạc ký giáp ranh 3 bên, đủ điều kiện để đổi sổ tăng diện tích. Bên ông Lộc E là người môi giới chịu trách nhiệm làm giấy tờ nhưng không

thực hiện. Đến ngày 22/11/2022 là ngày lẽ ra phải đưa đủ 5,3 tỷ đồng còn lại, nhưng bên ông P lại nói chỉ đưa 3 tỷ khi ra công chứng và chìa khóa trao tay, đến khi nào đổi giấy đất mới đưa tiếp nên ông, bà không đồng ý. Đúng hạn, ông P không giao tiền thì phải mất cọc. Hiện nay, ông bà vẫn đang giữ bản chính giấy chứng nhận QSDĐ.

Ông Võ Hùng T trình bày: do trực trực đôi sổ, ông P vẫn muốn mua đất nên có đề nghị với ông H sẽ đưa 3 tỷ khi ra công chứng, còn lại khi nào đổi giấy xong sẽ giao đủ tiền, nhưng ông H không đồng ý.

Ông Nguyễn Văn Lộc E trình bày: hợp đồng đặt cọc ban đầu bị đóng mộc ngược, nên Công ty có báo cho ông H biết sau đó in đóng mộc lại. Thời điểm đặt cọc thì ông H đưa giấy tờ đất là bản photo, cam kết bán 180m². Hôm sau lấy sổ đỏ về thì giao Công ty D làm cấp đôi sổ. Do mở đường, đất bị thu hồi nên mất thời gian. Công ty D đo đạc xác định đất có thổ cư và đất vườn, tiến độ làm giấy tờ đều có thông báo cho ông P và ông H biết. Đến ngày ra công chứng thì ông H báo bận việc đi T. Ông hoàn toàn không cản trở việc đổi giấy tờ đất như ông H nói, sổ dĩ có việc công chứng giao 3 tỷ là do Công ty D nói tách ra làm 2 sổ, gồm phần đôi sổ và phần cấp đất thêm.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Tòa án cấp phúc thẩm và các đương sự chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Kháng cáo của nguyên đơn, ông Trần Tấn P và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An đủ điều kiện để xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Về nội dung kháng cáo, kháng nghị: ngày 21/4/2022, ông P ký hợp đồng đặt cọc và giao cho ông H, bà T1 số tiền 500.000.000 đồng để thỏa thuận chuyển nhượng thửa đất 1656, hai bên hẹn đến ngày 22/11/2022 thanh toán đủ số tiền 5.300.000.000đ khi ra công chứng hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ. Tại thời điểm ký hợp đồng đặt cọc, diện tích đất trên giấy chứng nhận QSDĐ là 130m² nhưng các bên thỏa thuận diện tích thực tế 204,8m² (ngang 6,2m x dài 32m). Khi công ty D – là công ty thực hiện dịch vụ đăng ký đo đạc điều chỉnh diện tích thửa đất 1656 thông báo không thể đo đạc, điều chỉnh theo hiện trạng thực tế đất mà ông H sử dụng, thì ông P và ông H không có thỏa thuận gia hạn thời hạn ký hợp đồng chuyển nhượng và cũng không thỏa thuận lựa chọn đơn vị nào khác đo đạc để cấp lại sổ mới cho ông H. Vì lý do khách quan, nên thủ tục cấp lại sổ mới của thửa đất 1656 bị kéo dài, gây ảnh hưởng đến quá trình ký kết hợp đồng chuyển nhượng, ông P, ông H và bà T1 đều không có lỗi. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo nguyên đơn, ông Trần Tấn P và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An. Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự sửa bản án dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Kháng cáo của ông Trần Tấn P; kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 271, 272, 273, 276, 278, 279 và 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Ông Trần Tấn P

vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo; Kiểm sát viên vẫn giữ nguyên kháng nghị. Các đương sự không tự thỏa thuận được về việc giải quyết toàn bộ vụ án. Vụ án được xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về xác định quan hệ pháp luật tranh chấp và tư cách tham gia tố tụng của các đương sự: Tòa án cấp sơ thẩm đã thực hiện đúng quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 và Điều 68 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về việc áp dụng pháp luật về nội dung: giao dịch đặt cọc được xác lập và thực hiện trong năm 2022. Do đó, áp dụng Bộ luật Dân sự năm 2015 và các văn bản hướng dẫn thi hành luật có liên quan để giải quyết vụ án.

Về nội dung kháng cáo, kháng nghị:

[4] Từ sự thừa nhận của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm và tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đủ căn cứ xác định: ngày 21/4/2022, ông Trần Tấn P với ông Đinh Văn H, bà Lưu Thị T1 đã ký kết hợp đồng đặt cọc nhằm vừa để bảo đảm cho việc giao kết hợp đồng và vừa để bảo đảm cho việc thực hiện hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ, đối với thửa đất số 1656, tờ bản đồ số 02, loại đất ở nông thôn, tọa lạc tại ấp T, xã P, huyện C, tỉnh Long An; phương thức thanh toán: đợt 1, đặt cọc số tiền 500.000.000 đồng vào ngày 21/4/2022; đợt 2, hai bên công chứng hợp đồng chuyển nhượng sẽ thanh toán số tiền còn lại vào ngày 22/11/2022. Ngày 21/4/2022, ông Trần Tấn P đã giao số tiền đặt cọc 500.000.000 đồng cho ông Đinh Văn H, bà Lưu Thị T1. Đây là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5] Tại thời điểm ký hợp đồng đặt cọc ngày 21/4/2022, diện tích trên giấy chứng nhận QSDĐ bị giảm còn 130m² do ông H đã chuyển nhượng cho bà L1 50m² vào năm 2002, nhưng các bên vẫn thỏa thuận ký kết hợp đồng đặt cọc với diện tích đất 180m² và diện tích nhà là 204,8m² (ngang 6,4m x dài 32m), được thể hiện tại Điều III của hợp đồng. Ngày 20/7/2022, Công ty D tiến hành đo vẽ, kiểm tra hiện trạng thửa đất 1656 thì diện tích đo đạc thực tế là 203,8m², nên Công ty D không thực hiện thủ tục điều chỉnh diện tích thực tế theo hiện trạng đất được. Quá thời hạn thỏa thuận phải ký kết và công chứng hợp đồng chuyển nhượng theo thỏa thuận tại Điều III của hợp đồng (ngày 22/11/2022) và cho đến thời điểm hiện nay, hai bên biết rõ sự việc nhưng không thỏa thuận được về việc gia hạn thời gian ký kết hợp đồng.

[6] Căn cứ Điều 328 của Bộ luật Dân sự năm 2015, đặt cọc là một trong những biện pháp để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ, cụ thể trong vụ án này là để đảm bảo cho nghĩa vụ giao kết và thực hiện hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ. Xét thấy, các bên đã giao kết hợp đồng đặt cọc để chuyển nhượng nhà, đất, nhưng diện tích của QSDĐ thì bên ông H, bà T1 chưa được công nhận hợp pháp và hai bên trong hợp đồng đều biết rõ, nên cả hai cùng có lỗi làm cho hợp đồng chuyển nhượng không thể giao kết và thực hiện được.

[7] Theo hướng dẫn tại điểm a, d mục 1 Phần I của Nghị quyết số 01/2003/NQ-HĐTP ngày 16/04/2003 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng pháp luật trong việc giải quyết một số loại tranh chấp dân sự, hôn nhân và gia đình, từ tình tiết tại đoạn [5] và đoạn [6], đủ căn cứ xác định Trần Tấn P với

ông Đinh Văn H, bà Lưu Thị T1 cùng có lỗi làm cho hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ không thể giao kết. Do đó, cần chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên và yêu cầu kháng cáo của ông P, sửa bản án sơ thẩm, buộc ông Đinh Văn H, bà Lưu Thị T1 phải trả cho ông Trần Tấn P số tiền cọc đã nhận.

[8] Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Ngoài ra, ông Đinh Văn H xác định hiện nay ông đang giữ bản chính của giấy chứng nhận QSDĐ số R812111 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 30/10/2000 cho ông H, nên cần sửa cách tuyên án về nội dung này.

[10] Về chi phí tố tụng tại cấp sơ thẩm: do cả hai bên cùng có lỗi, nên ông P và ông H, bà T1 mỗi bên đương sự phải chịu $\frac{1}{2}$ số tiền quy định tại Điều 157, Điều 165 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[11] Về án phí dân sự sơ thẩm: buộc ông Đinh Văn H, bà Lưu Thị T1 phải chịu trên số tiền đặt cọc phải trả cho ông Trần Tấn P. Ông P không phải chịu và được hoàn trả tạm ứng án phí.

[12] Về án phí dân sự phúc thẩm: do kháng cáo được chấp nhận nên ông P không phải chịu và được hoàn trả tạm ứng án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 2 Điều 308, khoản 1 Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 328 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 26, Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2. Chấp nhận kháng cáo của ông Trần Tấn P.

3. Sửa toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 146/2024/DS-ST ngày 26 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An.

4. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Tấn P về việc tranh chấp hợp đồng đặt cọc với ông Đinh Văn H, bà Lưu Thị T1.

5. Buộc ông Đinh Văn H, bà Lưu Thị T1 có nghĩa vụ liên đới trả lại cho ông Trần Tấn P số tiền đặt cọc là 500.000.000đ (năm trăm triệu đồng).

6. Về chi phí tố tụng xem xét thẩm định tại chỗ, đo đạc, định giá tổng cộng là 25.000.000 đồng: buộc ông Trần Tấn P và ông Đinh Văn H, bà Lưu Thị T1 mỗi bên đương sự phải chịu $\frac{1}{2}$ là 12.500.000 đồng. Do ông P đã nộp tạm ứng toàn bộ, nên buộc ông Đinh Văn H, bà Lưu Thị T1 có nghĩa vụ liên đới trả lại cho ông Trần Tấn P số tiền 12.500.000đ (mười hai triệu năm trăm ngàn đồng).

7. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

8. Về án phí dân sự sơ thẩm:

8.1. Buộc ông Đinh Văn H, bà Lưu Thị T1 liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 24.000.000đ (hai mươi bốn triệu đồng).

8.2. Hoàn trả cho ông Trần Tấn P số tiền 12.000.000đ (mười hai triệu đồng) tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011521 ngày 26/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An.

9. Về án phí dân sự phúc thẩm: ông Trần Tấn P không phải chịu và được hoàn trả 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0013405 ngày 07/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An.

10. Về hướng dẫn thi hành án: trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

11. Về hiệu lực của bản án: bản án phúc thẩm này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TANDCC tại Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Long An;
- TAND huyện Cần Giuộc;
- Chi cục THADS huyện Cần Giuộc;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án; án văn./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Ngọc Hoàng Đình Thục

